

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HSST
Ngày 26 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Long Bình
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền.
2. Ông Nguyễn Bá Sửu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa Bà Nguyễn Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn H, sinh năm 1992, Nơi ĐKKHKT: Bản Đ2, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hoá lớp: 9/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Lò Văn N, sinh năm 1972 và bà Lò Thị Th, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn L, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ văn hóa lớp 9/12; Dân tộc Thái; Quốc tịch Việt Nam; tôn giáo không; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Quàng Văn S, sinh năm 1969 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975, hiện trú quán tại bản L, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tạ Đăng T

Địa chỉ: Bản CGT, xã C, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ phút ngày 16/7/2017 tại quán trà đá Thoa Anh tại ngã tư thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, tổ công tác Công an huyện Yên Châu phối hợp với lực lượng Công an thị trấn Yên Châu tiến hành tuần tra, kiểm soát phát hiện một nhóm thanh niên gồm 5 người đang tụ tập có dấu hiệu của việc sử dụng trái phép chất ma túy, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra được biết 5 thanh niên đó là Lò Văn H, Quàng Văn L, Mè văn Th, Lò Văn Th1, Lò Văn T. Khi gặp tổ công tác Lò Văn H, Quàng Văn L khai nhận là đối tượng nghiện ma túy, Lò Văn H tự giác lấy trong túi quần bên phải của H đang mặc trên người 01 gói Nilon màu trắng bên trong có chứa 35 viên nén hình tròn, màu hồng, chưa xác định trọng lượng, bề mặt viên nén có dòng chữ “ WY” giao nộp cho tổ công tác, Lò Văn H và Quàng Văn L khai nhận đó là hồng phiến của H và L góp tiền mua chung để sử dụng và bán kiếm lời, đồng thời Lò Văn H tự giác lấy trong túi quần sau đang mặc trên người một tờ mệnh giá 200.000 đồng giao cho tổ công tác, Lò Văn H và Quàng Văn L khai nhận số tiền la bán ma túy mà có. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn H và Quàng Văn L về hành tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Ngày 16/7/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La thành lập hội đồng bóc mở niêm phong cân tịnh xác định trọng lượng, lấy mẫu trưng cầu giám định số vật chứng thu giữ khi bắt quả tang của Lò Văn H và Quàng Văn L, cụ thể như sau:

- Tổng trọng lượng 35 viên nén màu hồng nghi là hồng phiến là 3,26 gam, trích rút 0,46gam ký hiệu H1 gửi PC54 Công an tỉnh Sơn La để trưng cầu giám định loại chất ma túy, trọng lượng chất ma túy, vật chứng còn lại 2,80gam ký hiệu H2.

Tại bản kết luận giám định số 745/KLMT, ngày 21/7/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: *“Mẫu vật gửi giám định ký hiệu H1 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine, trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,46 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 3,26 gam loại chất Methamphetamine.*

Tại phiên tòa các bị cáo, người làm chứng được triệu tập xét hỏi, thẩm tra trình bày ý kiến giữ nguyên lời khai của mình như trong quá trình điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo đều nhận tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát;

Bị cáo Lò Văn H và Quàng Văn L khai nhận:

Khoảng 18 giờ, phút ngày 15/7/2017, Quàng Văn L đang ở nhà thấy có cuộc điện thoại gọi nhờ của Lò Văn H, Quàng Văn L số điện thoại có số thuê bao: 0968.837.xxx gọi đến số 01632.642.xxx (điện thoại của H), H nghe máy và rủ Quàng Văn L lên bản Mai Thuận, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn để mua ma túy về sử dụng,

được Quảng Văn L đồng ý, do H không có xe máy nên H nói với L xuống cầu sắt thuộc bản Đ, xã C đón H.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, L điều khiển xe máy BKS: 26N1- xxx.xx đến đón Lò Văn H, H và L thống nhất góp tiền đi mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời, H đưa cho L số tiền 600.000 đồng và được L nói có tổng cộng là 2.000.000 đồng, rồi điều khiển chờ Lò Văn H ngồi phía sau lên bản Mai Thuận, xã Còi Nòi để mua ma túy. Tại bản Mai Thuận H và L gặp một người phụ nữ dân tộc Mông qua trao đổi H và L mua được 40 viên hồng phiến với giá 2.000.000 đồng, sau khi mua được ma túy L điều khiển xe chở H về nhà, trên đường đi H và L thống nhất cùng nhau sử dụng 20 viên hồng phiến, 20 viên còn lại sẽ bán cho các đối tượng nghiện ma túy với giá 100.000 đồng/1 viên, sau đó H đưa điện thoại và bảo L gọi điện cho Quảng Văn Th và được Th đồng ý mua 02 viên hồng phiến và hẹn gặp tại ngã ba đường vào bản Tô Pang khi đến nơi thấy Th đang đứng ở cạnh đường thành đưa cho Th gói hồng phiến và giao cho H giá 200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 62/KSĐT-MT ngày 04/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố các bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Yên Châu để xét xử đối với bị cáo Lò văn H và Quảng Văn L về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đề thừa nhận hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu đã truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lò văn H, Quảng Văn L phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn H từ 30 tháng đến 36 tháng tù giam. Về tội: Mua bán trái phép chất ma túy;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Quảng Văn L từ 28 tháng đến 30 tháng tù giam.

Về tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng của vụ án đề nghị áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 BLTTHS:

Tuyên tịch thu tiêu huỷ: 2,8gam Methamphetamine được niêm phong theo quy định trong 01 phong bì đã bóc mở + 01 mảnh nilon màu trắng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, số seri: AC 07299217 thu giữ của Lò Văn H.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, vỏ màu trắng, mặt sau điện thoại bị nứt vỡ kính, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Quảng Văn L.

Chấp nhận việc cơ quan CSĐT công an huyện Yên Châu trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Đăng Tiên 01 xe máy nhãn hiệu Blade màu đen, biển kiểm soát 26N1-xxx.xx.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận đối đáp gì với phần luận tội, tranh luận của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo Lò Văn H không trình bày lời nói sau cùng; bị cáo Quảng Văn L xin được giảm nhẹ mức hình phạt;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Yên Châu, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn H, Quảng Văn L khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, số hồng phiếu của các bị cáo bị Tổ công tác Công an huyện Yên Châu thu giữ có nguồn gốc là các bị cáo mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Lời khai của các bị cáo không có nội dung gì thay đổi, các bị cáo không

khai gì thêm so với lời khai của mình tại Cơ quan cảnh sát điều tra, các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lò Văn H, Quàng Văn L do tổ công tác Công an huyện Yên Châu lập hồi 00 giờ 30 phút, ngày 16/7/2017, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng lấy mẫu giám định, bản kết luận giám định số 745/KLMT ngày 21/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận mẫu viên nén màu hồng trong mẫu ký hiệu H1 gửi giám định là Methamphetamine nằm trong danh mục I, Stt: 67 Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ của cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX xét thấy: Do nghiện chất ma túy nên ngày 15/7/2017 bị cáo Lò Văn H và Quàng Văn L đã có hành vi tàng trữ 3,26 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời; các bị cáo đã bán cho Quàng Văn Th 02 viên Methamphetamine thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo đã phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy, theo quy định tại Điều 194 BLHS.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của các bị cáo Lò Văn H và Quàng Văn L không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự

Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng tệ nạn nghiện ma túy.

Về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm: Các bị cáo cố ý cùng thực hiện một tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 20 BLHS, nên khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 53 BLHS 1999 xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo. Phân hoá vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án HĐXX thấy rằng: Các bị cáo là đồng phạm với nhau thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, tuy nhiên đối với bị cáo Lò Văn H là người khởi xướng và là người thực hành tích cực trong vụ án, do đó bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án; bị cáo Quàng Văn L khi bị cáo H khởi xướng việc mua bán ma túy đã đồng ý tham gia cùng, do đó bị cáo là đồng phạm với vai trò thứ yếu là người thực hành trong vụ án.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:
Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Các bị cáo đều được hưởng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Quảng Văn L có ông là Quảng Văn H là người có công với Nhà nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 cần xem xét áp dụng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo L.

Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu đó là đều là đối tượng nghiện chất ma túy; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm trăm triệu đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng các bị cáo đều là đối tượng nghiện chất ma túy, sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 2,8gam Methamphetamine được niêm phong theo quy định trong 01 phong bì đã bóc mở + 01 mảnh nilon màu trắng. Xét thấy đây là vật Nhà nước cấm lưu hành và vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, số seri: AC 07299217 thu giữ của Lò Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, vỏ màu trắng, mặt sau điện thoại bị nứt vỡ kính, máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Quảng Văn L là tài sản hợp pháp của các bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Blade màu đen, biển kiểm soát 26N1-xxx.xx, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tạ Đăng T, khi cho bị cáo L mượn xe anh T không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe của anh đi mua ma túy, anh T có đơn xin lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự, cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho anh T là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận;

Đối với số tiền 200.000VNĐ quá trình điều tra xác định là tiền do thực hiện hành phạm tội mà có, xét thấy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm buộc các bị cáo phải chịu mỗi người là 200.000 đồng là phù hợp với khoản 1, 2 Điều 99 BLTTHS, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về các vấn đề khác:

Về nguồn gốc số hồng phiến quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn H và Quàng Văn L khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, việc mua bán không có ai biết, chứng kiến, vì vậy cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Đối với Quàng Văn Th đã có hành mua 02 viên hồng phiến của Lò Văn để sử dụng cho bản thân, hành vi của Th chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn H, Quàng Văn L phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 36 (ba sáu) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ 16/7/2017;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Quàng Văn L 28 (hai tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, tạm giữ 16/7/2017;

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Áp dụng điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 41 BLHS; khoản 1, khoản 2 Điều 76 BLTTHS:

Tuyên tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: “vật chứng nhập kho ma túy vụ Lò Văn H và Quàng Văn L” gồm mẫu H2= 2,8 g + trong 01 phong bì đã bóc mở mặt sau có tên và chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong;

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu đen số IMEI: 354581/05/708293/6 máy cũ đã qua sử dụng, thu giữ của

Lò Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4s, vỏ màu trắng, số Model A 1332EMC380AFCCID:BCC-E2380AIC:5796-E235CA mặt sau điện thoại bị nứt vỡ kính thu giữ của Quàng Văn L và số tiền 200.000 đồng thu giữ của Lò Văn H.

Chấp nhận việc cơ quan CSĐT công an huyện Yên Châu trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Đăng T 01 xe máy nhãn hiệu Blude màu đen, biên kiểm soát 26N1-xxx.xx.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 BLTTHS, Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lò Văn H, Quàng Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Thi hành án dân sự Yên Châu;
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Lương Long Bình